

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DSST
Ngày 18 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài Nam**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Mộng Thu** và ông **Phạm Hồng Sơn**.

- Thư ký phiên tòa Ông **Nguyễn Quốc Tín** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Khuê** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐ ST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Trụ sở chính: Tòa nhà T, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Thiệu Ánh D** – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông **Đoàn Minh Q**, sinh năm 1990 – Chuyên viên xử lý nợ.

Theo Giấy ủy quyền số 66.01/2025/UQ-OCB ngày 17/02/2025

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng D1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ F, khu phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là tổ F, khu phố H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông Đoàn Minh Q có mặt, bà Nguyễn Hồng D1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng TMCP P và bà Nguyễn Hồng D1 có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay đề nghị phát hành kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số SLDPRM0001211019 ngày 26/4/2022. Căn cứ vào thu nhập của bà D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ với mục

đích để mua hàng hóa phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 kỳ (từ 10/8/2022 đến 10/7/2025), lãi suất cho vay 33%/năm; lãi suất trên dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất vay, lãi suất chậm trả 10%/năm.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng được 19 kỳ với tổng số tiền 47,294,994đ. Qua nhiều lần việc, nhắc nhở nhưng bà D1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng những kỳ tiếp theo, bà D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Đến ngày 05/6/2025 bà D1 còn nợ số tiền gốc 33.399.796 đồng, nợ lãi 18.184.393đ. Tổng nợ gốc và lãi là 51.584.189đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Hồng D1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 18/7/2025 là 53,568,908đ (trong đó nợ gốc là 33,399,796đ, nợ lãi 20,169,112đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2025 cho đến khi bà D1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Hồng D1 không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của bà Nguyễn Hồng D1 để lấy lời khai nhưng bà D1 vắng mặt nơi cư trú. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của bà D1 xác định: Bà Nguyễn Hồng D1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố H, thị trấn Đ, huyện L tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là khu phố H, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện nay bà D1 vắng mặt nơi cư trú. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay bà D1 vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với bà Nguyễn Hồng D1, buộc bà D1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 18/7/2025 là 53,568,908đ (trong đó nợ gốc là 33,399,796đ, nợ lãi 20,169,112đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2025 đến khi bà Nguyễn Hồng D1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hồng D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hồng D1 trả nợ vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên, nên đây là quan hệ pháp luật Dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Hồng D1 cư trú tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 13 –

Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà D1.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số SLDPRM0001211019 ngày 26/4/2022 để vay số tiền 56.750.000đ; Lãi suất vay: 33%/năm, chịu thêm lãi quá hạn nếu không thực hiện thanh toán vốn lãi đúng hạn, lãi quá hạn bằng 150%/tháng trên số tiền nợ quá hạn; Không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay. Hợp đồng tín dụng trên được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định: Trong quá trình vay, bà D1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần, từ ngày giải ngân 26/4/2022 đến ngày 30/11/2024 bà Nguyễn Hồng D1 đã thanh toán cho Ngân hàng 19 kỳ với tổng số tiền 47,294,994 đồng. Do bà Nguyễn Hồng D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 01/12/2024 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Sau đó, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà D1 không thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Xét thấy, bà Nguyễn Hồng D1 không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ đã giao kết trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D1 trả nợ vay tính đến hết ngày 18/7/2025 là 53,568,908đ; Trong đó nợ gốc là 33,399,796đ, nợ lãi 20,169,112đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2025 đến khi bà D1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà Nguyễn Hồng D1 để giải quyết vụ án nhưng bà D1 vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hồng D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát: Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với bà Nguyễn Hồng D1.

Buộc bà Nguyễn Hồng D1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến hết ngày 18/7/2025 là 53,568,908đ (năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm linh tám đồng); Trong đó nợ gốc là 33,399,796đ, nợ lãi 20,169,112đ.

Kể từ ngày 19/7/2025, bà Nguyễn Hồng D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số SLDPRM0001211019 ngày 26/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Hồng D1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.678.445đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 1.962.000đ (một triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo biên tạm ứng án phí số 0002346 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phòng THADS khu vực 13-Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo:Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/7/2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13-Tp.Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoài Nam